

CHUYÊN MỤC

KHOA HỌC XÃ HỘI THẾ GIỚI

TỔNG LƯỢC VỀ NGHIÊN CỨU GIÁO DỤC GIA ĐÌNH TRÊN THẾ GIỚI

NGUYỄN KHÁNH TRUNG*

Gia đình và giáo dục gia đình đóng vai trò hết sức quan trọng trong quá trình hình thành nhân cách từng cá nhân cũng như trong việc kiến tạo chất lượng vốn con người cho xã hội, đặc biệt đối với những nước nông nghiệp mang văn hóa Á Đông như Việt Nam. Tuy nhiên, hiện nay Việt Nam vẫn còn thiếu vắng các tài liệu lý thuyết và phương pháp luận nghiên cứu về giáo dục gia đình. Bài viết tiến hành tổng lược, giới thiệu giáo dục gia đình như đối tượng nghiên cứu của một chuyên ngành độc lập trong khoa học giáo dục trên thế giới với các nội dung: sự ra đời và phát triển, các tiếp cận lý thuyết và phương pháp nghiên cứu, một số chủ đề và kết quả nghiên cứu nổi bật.

Từ khóa: gia đình, giáo dục gia đình, cha mẹ

Ngày nhận bài: 26/10/2015; *đưa vào biên tập:* 5/5/1016; *phản biện:* 11/8/1016; *duyet đăng:* 28/9/2016

Gia đình là nơi đầu tiên và quan trọng nhất trong quá trình hình thành nhân cách một con người, là khúc đường đầu tiên đưa cá thể hội nhập vào xã hội, đóng dấu ấn sâu đậm trên căn tính của mỗi cá nhân cũng như góp phần tạo ra và duy trì những tập tính chung của cả xã hội. Gia đình là “tổ ấm”, là nơi tái tạo các giá trị đạo đức và văn hóa, là trường học đầu tiên và

thường trực tham gia cùng với giáo dục nhà trường và giáo dục xã hội để tạo ra vốn nhân lực cho quốc gia. Như vậy, chất lượng con người, vốn nhân lực xã hội không chỉ phụ thuộc vào thiết chế giáo dục chính quy mà còn phụ thuộc vào giáo dục gia đình.

Trên thế giới, các quốc gia, các tổ chức ngày càng ý thức sâu sắc về tầm quan trọng của thiết chế gia đình trong việc giáo dục thế hệ trẻ nên đã dành chỗ quan trọng cho gia đình

* Viện Nghiên cứu Phát triển Giáo dục (IRED).

trong các chương trình cải cách giáo dục. Các nhà cải cách tại các nước có nền giáo dục phát triển đã nhấn mạnh đến vai trò của phụ huynh, của gia đình trong việc phối hợp với nhà trường, với các tổ chức kinh tế xã hội và văn hóa trong các chiến lược giáo dục con em họ. Trong nghiên cứu trước đây liên quan đến giáo dục Phần Lan, chúng tôi đã chỉ ra rằng, các nhà lãnh đạo Phần Lan - quốc gia có nền giáo dục phổ thông thành công nhất trên thế giới hiện nay – đã chủ trương tăng cường vai trò của phụ huynh trong nhiệm vụ giáo dục trẻ em thông qua những kế hoạch học tập được ba bên cùng tham gia thiết kế và thực hiện, đó là giáo viên, học sinh và phụ huynh (Nguyễn Khánh Trung 2015).

Riêng đối với Việt Nam, đất nước đang mang nhiều đặc tính của một xã hội nông nghiệp, đại đa số dân cư còn ở nông thôn, chịu ảnh hưởng đậm đặc văn hóa phương Đông, thì gia đình lại càng đóng vai trò quan trọng trong việc giáo dục trẻ nhỏ. Do đó, việc cải cách hệ thống giáo dục quốc dân để thoát ra khỏi cảnh “lạc đường” hiện nay, không thể không nghiên cứu lĩnh vực giáo dục gia đình và các hình thức phối hợp gia đình - nhà trường trong các chiến lược đổi mới.

Hiện nay trên các mặt báo hàng ngày trong nước xuất hiện nhan nhản những hiện tượng tiêu cực liên quan đến giới trẻ, từ các vụ thảm sát một cách tàn bạo của những thanh niên mới lớn, đến chuyện học sinh đánh

n nhau ở cổng trường, trong lớp học, thầy trò đánh nhau trên bục giảng, sự đối trá, trộm cắp không những phổ biến trong nước mà còn “xuất khẩu” sang cả nước ngoài làm cho người Nhật, người Thái, người Singapore phải viết cảnh báo bằng tiếng Việt... Theo Hoàng Chí Bảo (2008), các tiêu cực hiện nay là những “lệch lạc” trong lối sống, đến từ quá trình biến đổi xã hội tại Việt Nam trong thời kỳ Đổi mới. Dưới giác độ xã hội học, khi những vụ việc như thế xảy ra một cách thường xuyên, thì chúng đã trở thành những “hiện tượng xã hội” (Durkheim 2010) cần phải nghiên cứu.

Nguyên nhân của những hiện tượng như thế có lẽ đến từ nhiều phía, trong đó có sự góp phần của giáo dục gia đình. Ngày nay, các nhà nghiên cứu dường như đang có khuynh hướng cho rằng vấn đề loạn chức năng (dysfonctionnement) trong gia đình là nguồn gốc của các loạn chức năng của xã hội (Gayet 2004: 10)

Trong bối cảnh như thế, ở bài viết này, chúng tôi muốn làm một tổng quan về tình trạng nghiên cứu giáo dục gia đình trên thế giới phát triển, như một chuyên ngành trong khoa học giáo dục, nhằm tìm hiểu xem các nhà nghiên cứu giáo dục tại các nước, đang quan tâm đến những khía cạnh nào trong giáo dục gia đình, và khuynh hướng nghiên cứu hiện nay của họ ra sao. Bài viết mong muốn góp phần nhỏ vào nền tảng lý thuyết vốn còn thiếu và yếu trong các ngành khoa học xã hội nói chung và trong

nghiên cứu về giáo dục gia đình nói riêng tại Việt Nam hiện nay.

1. SỰ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN

Việc cha mẹ giáo dục, chỉ dạy cách ăn nết ở cho con cái có lẽ đã tồn tại từ khi loài người mới xuất hiện. Theo Durning (1995) từ thời tiền sử, các triết gia đã bắt đầu đề cập đến giáo dục gia đình, chậm hơn sau này, các linh mục, các giáo viên, các nhà hoạt động xã hội, các bác sĩ càng đề cập nhiều và sâu hơn lĩnh vực này, họ thường nói đến vai trò, vị trí của người mẹ trong việc giáo dục con cái. Các nhà tư tưởng lớn như Platon, Montaigne, Comenius, Rousseau, Kant và nhiều các triết gia khác đều đã ưu tiên bàn đến các giá trị cần giáo dục và cách thức chuyển tải các giá trị này cho trẻ nhỏ trong gia đình (Durning 1995: 16). Thế nhưng nghiên cứu về giáo dục gia đình như đối tượng của một chuyên ngành thì hãy còn rất mới trên thế giới, mặc dầu khoa học giáo dục đã hình thành trên một thế kỷ nay (Durning 1995: 2). Chuyên ngành này manh nha từ Mỹ, khởi đầu với chương trình nghiên cứu thực nghiệm trên các bà mẹ có văn hóa bị “gãy đổ” trong các khu dân cư khó khăn được thực hiện sau những năm 1960, còn gọi là *Head Start* hay *Home start*. Nghiên cứu quy mô này có mục tiêu là “cung cấp cho các bậc cha mẹ những kiến thức và thói quen giúp bảo đảm phát triển hơn nơi trẻ tình cảm, trí tuệ và động lực” (Boutin dẫn theo Gayet 2004: 9). Chậm hơn Mỹ hàng chục năm sau, mãi đến thập

niên 1980, tại Châu Âu hai cuốn sách quan trọng về nghiên cứu giáo dục gia đình mới xuất hiện, đó là tác phẩm *Comment les mères enseignent à leur enfants (5 - 6 ans)* (Các bà mẹ dạy con thế nào (5 đến 6 tuổi)) của Pourtois (1979) tại Bỉ và cuốn *Education familiale. Un panorama des recherches internationales* (Giáo dục gia đình - Tổng quan về nghiên cứu quốc tế) của Durning (1988) tại Pháp. Tác phẩm đầu trình bày kết quả từ các quan sát về chiến lược giáo dục có thể đo lường được của những bà mẹ; tác phẩm thứ hai là một tổng lược về các chủ đề, các lý thuyết tiếp cận và các phương pháp điều tra mà các nhà nghiên cứu trên thế giới hay đề cập và sử dụng.

Năm 1986, tại Montreal – Canada, đã thành lập Hiệp hội các nhà nghiên cứu về giáo dục gia đình (AIFREF), sau đó tổ chức này đã xuất bản *Tạp chí Quốc tế về Giáo dục gia đình* vào năm 1997. Giáo dục gia đình được định nghĩa như một tiểu chuyên ngành nằm trong khoa học giáo dục, tập trung các nhà nghiên cứu từ nhiều chuyên ngành khác nhau như dân số học, tâm lý học, xã hội học, dân tộc học, ngôn ngữ học, luật học, kinh tế học, triết học nhằm mổ xẻ, giải thích những hiện tượng trong gia đình như vấn đề bạo hành; hiện tượng lệch chuẩn nơi giới trẻ; hệ quả của vấn đề thất nghiệp trong gia đình; hay mô tả cách thức mà các phụ huynh thực hành giáo dục con cái; quan niệm của họ về mục tiêu giáo dục gia đình; mối tương quan

giữa giáo dục gia đình và các yếu tố kinh tế, chính trị xã hội và văn hóa; vai trò của từng chủ thể trong giáo dục trẻ tại nhà; sự tương quan giữa giáo dục gia đình và giáo dục nhà trường; giáo dục gia đình và các vấn đề xã hội... (Gayet 2004: 10-11).

Riêng tại Pháp, nếu khoa học giáo dục nói chung xuất hiện như một chuyên ngành trong các trường đại học vào năm 1967, thì phải đợi đến những năm 1980, giáo dục gia đình mới xuất hiện như một lĩnh vực nghiên cứu độc lập. Nhóm nghiên cứu đầu tiên về giáo dục gia đình được thành lập năm 1992, nhóm này trực thuộc Trung tâm Nghiên cứu Giáo dục và Đào tạo thuộc Đại học Paris – Ouest. Những nghiên cứu đầu tiên tại trung tâm nghiên cứu này được chủ trì bởi Paul Durning và Dominique Fablet. Hiện nay, các nhà nghiên cứu của nhóm này tham gia và hợp tác với các hiệp hội nghiên cứu về giáo dục gia đình khác như Hiệp hội Quốc tế Đào tạo và Nghiên cứu Giáo dục gia đình; Hiệp hội Khoa học Châu Âu về Chăm sóc hỗ trợ các gia đình và trẻ em, thiếu niên (Robin và đồng sự, 2011).

Từ năm 2004 đến nay, các nghiên cứu về giáo dục gia đình tại Pháp phát triển thành ba hướng: 1) Các nghiên cứu tập trung phân tích quá trình giáo dục trong gia đình ở mọi độ tuổi từ trẻ sơ sinh đến tuổi trưởng thành, phân tích các tác nhân giáo dục như vai trò của người cha và người mẹ; các quá trình giáo dục; các bối cảnh gia đình

khác nhau như gia đình hạt nhân truyền thống, gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, gia đình ly dị, gia đình ghép, gia đình xin con nuôi, gia đình bao gồm các thành viên có các văn hóa khác nhau; những thực hành giáo dục, chẳng hạn như đời sống thường nhật trong gia đình, giáo dục gia đình và vấn đề học hành của trẻ nhỏ. 2) Các nghiên cứu tập trung trên những can thiệp xã hội và giáo dục, chẳng hạn các hình thức hỗ trợ phụ huynh; các hoạt động giáo dục hỗ trợ gia đình; nghiên cứu đánh giá kết quả của các can thiệp xã hội và giáo dục...

3) Các nghiên cứu tập trung trên các mối liên hệ giữa gia đình và các nhà giáo dục, các cơ sở giáo dục chẳng hạn phân tích mối liên hệ giữa quá trình giáo dục trong gia đình và trường học, giữa giáo dục gia đình và kết quả học tập của học sinh... (Robin và đồng sự 2011).

Tóm lại, nghiên cứu về giáo dục gia đình như một chuyên ngành trong khoa học giáo dục hãy còn rất mới, lực lượng các nhà nghiên cứu tham gia chưa nhiều. Tuy nhiên, sự phối hợp, hợp tác giữa các nhà nghiên cứu của các quốc gia khác nhau đã tạo thành một mạng lưới và ngày càng phát triển. Sự xuất hiện chuyên ngành này nói lên rằng, giáo dục không phải là “sở hữu độc quyền” của nhà trường, gia đình cũng là thiết chế rất quan trọng tham gia cùng với giáo dục nhà trường trong quá trình xã hội hóa giới trẻ, cũng như trong việc đào tạo nguồn nhân lực tương lai của một xã hội.

2. TIẾP CẬN LÝ THUYẾT VÀ CÁC PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trong tác phẩm *Les pratiques éducatives des familles* (Những thực hành giáo dục gia đình), Gayet (2004) đã tổng lược lại tất cả các nghiên cứu gần đây về giáo dục gia đình, ông đã chỉ ra sự cần thiết phải đánh đổ lối “tiếp cận quy phạm” (*approche normative*) truyền thống đã ngự trị trong lịch sử nghiên cứu theo kiểu tìm cách khẳng định quy luật “cha nào con nấy”, để quay lại với lối tiếp cận nhân chủng học. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng, quan niệm và những thực hành trong giáo dục gia đình không phải bất di bất dịch mà thay đổi theo thời gian và theo xã hội, cũng như khác biệt giữa các nhóm gia đình trong cùng một xã hội sống cùng một thời điểm. Cách giáo dục của những gia đình có điều kiện về vật chất sẽ khác với cách giáo dục của các gia đình có thu nhập thấp, các gia đình nhà giáo sẽ khác với các gia đình nông dân. Thậm chí, trong cùng một gia đình, nhưng những đứa trẻ khác nhau cũng không bao giờ nhận được cùng một hình thức giáo dục như nhau.

Cũng như trong tất cả các lãnh vực khác của khoa học xã hội, nghiên cứu về giáo dục gia đình ngày nay cũng đang quay lại với tiếp cận vi mô, không những nhấn mạnh vai trò chủ thể trong giáo dục của cha mẹ mà còn phân tích vai trò của con trẻ. Theo cách tiếp cận này, trẻ em không chỉ là sản phẩm của giáo dục do người lớn trong nhà áp đặt mà còn là tác nhân

chủ động tham gia vào quá trình giáo dục; không chỉ cha mẹ mới là người ảnh hưởng lên con cái mà chính con cái cũng có thể ảnh hưởng đến cha mẹ. Con trẻ không phải là sản phẩm được đào tạo mà là nhân tố chủ động tham gia vào quá trình tự đào tạo nên nhân cách của mình (Gayet 2004: 92-93). Sự tương tác này thường theo công thức: “Cha (mẹ) chấp nhận trở thành người cha người mẹ như con muốn, nhưng trong điều kiện là điều này chỉ tùy thuộc vào cha mẹ và liên hệ đến bản chất của cha mẹ, hoặc tinh thần tình cảm của cha mẹ ở thời điểm đó (Gayet 2004: 93).

Những đứa trẻ dẫu có lớn lên trong một gia đình, cũng không bao giờ nhận được một cách giáo dục hoàn toàn như nhau vì môi trường mà chúng tiếp xúc, những người mà chúng gặp, tâm lý và cách ứng xử của chính cha mẹ đối với chúng không phải lúc nào cũng giống nhau. Và dù hai trẻ nhận được sự giáo dục hoàn toàn giống nhau thì kết quả tạo ra bởi sự giáo dục đó không phải lúc nào cũng giống nhau (Gayet 2004: 92). Cũng theo cách lý luận này, trong một gia đình, phương cách giáo dục của người cha và người mẹ không thể hoàn toàn giống nhau vì mỗi người hiểu mỗi khác, mỗi người có mỗi quá khứ khác, khung tham chiếu, chuẩn mực nơi mỗi người mỗi khác.

Mới đây khái niệm “*résilience*” (khả năng thích ứng, tự phục hồi) được Durning lấy làm đối tượng nghiên cứu chính tại Pháp. Nhà nghiên cứu này

đặt lại vấn đề về những kết luận trên những liên hệ kiểu nhân - quả trực tiếp giữa các hình thức thực hành giáo dục gia đình và những thái độ, hạnh kiểm của trẻ (Gayet 2004: 23). Các nhà nghiên cứu cho rằng không bao giờ có thể đào tạo một con người hoàn toàn theo ý như người lớn muốn, và giáo dục không phải là tất cả (Durning 1995: 155). Giáo dục trong gia đình không phải chỉ một chiều đi từ cha mẹ đến con cái mà là một quá trình tương tác qua lại hai chiều. Ngay cả trẻ sơ sinh cũng không phải chỉ là những “tờ giấy trắng” bị động để người lớn có thể “vẽ” ra những hình hài theo ý mình, trẻ vẫn tham gia tương tác với môi trường vật lý và xã hội xung quanh (Kellerhais, Montandon và cộng sự 1991: 26). Quan niệm và cách lý luận này đi ngược lại với trường phái “quyết định luận”, hay quan niệm của các nhà nghiên cứu cổ điển về hành vi trước đây như Watson (Gray & Macblain 2014).

Trong các hướng đi khác nhau của các nhà nghiên cứu, đáng chú ý là tiếp cận xã hội học của Bronfenbrenner (1994). Nhà nghiên cứu này đã đưa ra “lý thuyết về môi trường phát triển con người” (Ecological theory of human development) nghiên cứu sự tương quan giữa cách thức giáo dục trong gia đình và những thứ xảy ra bên ngoài gia đình, giữa quá trình xã hội hóa trẻ nhỏ và sự ảnh hưởng từ các tác nhân khác ở các mức độ khác nhau. Gia đình là môi trường gần gũi đưa trẻ nhất, được ông gọi là “tiểu hệ

thống” (microsystème); đến lượt nó, tiểu hệ thống này lại là thành phần của hệ thống lớn hơn, đó là “trung hệ thống” (mésosystème) ví dụ như đại gia đình họ hàng bà con, nhà trường...; tiểu hệ thống và trung hệ thống lại phụ thuộc vào một môi trường rộng hơn như nơi làm việc của phụ huynh, hệ thống tri thức mà mỗi phụ huynh có... gọi là “ngoại hệ thống” (exosystème); cuối cùng, tất cả lại phụ thuộc vào “đại hệ thống” (macrosystème) như hệ thống pháp luật, văn hóa, các chuẩn mực, các giá trị, ý thức hệ... Đại hệ thống sẽ quy định ý nghĩa (sens) cho các thiết chế thuộc ngoại hệ thống, trung hệ thống và ảnh hưởng trên các vai trò trong tiểu hệ thống. Bằng cách như vậy, Bronfenbrenner đã cắt nghĩa quá trình xã hội hóa người trẻ một cách đầy đủ toàn diện nhất trong đó vừa nói đến vai trò của các tác nhân, vừa tính đến vai trò của các thiết chế, các giá trị chi phối (Kellerhais & Montandon 1991: 28-29). Khuynh hướng nghiên cứu có ý nghĩa này đang trở thành khuynh hướng chính hiện nay trong nghiên cứu giáo dục gia đình. Tuy nhiên điều khó khăn là, các khía cạnh trong lý thuyết của Bronfenbrenner sẽ khó có thể gói ghém trong một nghiên cứu thực nghiệm để có thể kiểm chứng.

Với tiếp cận vi mô, với sự kết hợp của phương pháp nghiên cứu định lượng và định tính, Kellerhais & Montandon (1991) đã thực hiện một nghiên cứu về phương cách giáo dục trong gia đình trên các chiều kích như: mục tiêu

giáo dục gia đình; phương pháp giáo dục; các vai trò trong giáo dục gia đình; hợp tác giữa gia đình và các cơ quan, tổ chức, với những chủ thể gần gũi như ông bà, bạn bè của cha mẹ, hay các kênh truyền hình, các nhân viên xã hội, các chuyên gia giáo dục đặc biệt, bạn bè, nhà trường... trong việc giáo dục con cái. Các nhà nghiên cứu đã củng cố cho kết luận của các nghiên cứu trước đó rằng: nguồn gốc văn hóa, xã hội của phụ huynh có ảnh hưởng đến quan niệm về mục tiêu giáo dục cũng như phương pháp giáo dục con cái, đến phương cách kiểm soát và cách dạy dỗ. Một khuynh hướng chung trong nhận thức về một hình ảnh lý tưởng của con cái hiện nay là một trẻ em tự chủ, hiệu quả và tự do. Các tác giả cũng chỉ ra có sự thay đổi trong nhận thức và cách thức thực hành trong mối liên hệ phụ huynh - học sinh từ việc thiên về áp dụng sự kiểm soát chặt sang đối thoại, thảo luận (Kellerhais & Montandon 1991: 226-227).

Tóm lại, đọc phần tổng quan nghiên cứu của các công trình từ xã hội học đến tâm lý học xã hội liên quan đến giáo dục gia đình, chúng tôi thấy một khuynh hướng chung trong nghiên cứu là chuyển dịch từ tiếp cận vĩ mô sang tiếp cận vi mô, từ những cách nhìn chịu ảnh hưởng của trường phái “quyết định luận” (déterministe) thịnh hành vào những năm 1970, thường cho rằng trẻ em là sản phẩm được đào tạo, được nặn đúc bởi người lớn thông qua giáo dục gia đình và nhà trường, đến lý luận chịu sự ảnh

hưởng của các lý thuyết “kiến tạo luận” (constructioniste) thường xem trẻ em là tác nhân chủ động tham gia vào đời sống của gia đình, của trường học và vào việc tự xây dựng hình ảnh bản thân thông qua quá trình xã hội hóa, quá trình hình thành nhân cách (Preteur & De Leonardis 1995; Gayet 2004). Còn hiện nay, các nhà nghiên cứu thường tìm cách dung hòa hai lối tiếp cận quyết định luận và cá nhân luận (individualiste) để bổ sung cho nhau trong những phân tích của họ theo kiểu: Giáo dục gia đình chịu sự ảnh hưởng của môi trường xã hội, trẻ em được giáo dục tùy thuộc vào quan niệm và cách thức giáo dục của người lớn, nhưng điều đó không hoàn toàn quyết định trên trẻ em, vì chính trẻ là những chủ thể chủ động tham gia vào quá trình giáo dục, vào quá trình tự hình thành nhân cách và hình ảnh bản thân.

Về mặt phương pháp, chúng tôi thấy các nhà nghiên cứu vẫn kết hợp nhiều loại hình kỹ thuật định tính và định lượng khác nhau trong các đề tài, chẳng hạn như Kellerhais & Montandon (1991) đã tiến hành điều tra bằng bản hỏi kết hợp phỏng vấn trong nghiên cứu của họ để không những tìm xem sự ảnh hưởng của người lớn, của thầy cô giáo và môi trường xung quanh lên quá trình xã hội hóa trẻ em mà còn tìm định dạng vai trò của chính các em tham gia vào quá trình này. Hay mới hơn, các nhà nghiên cứu đã xâm nhập vào đời sống riêng tư của các gia đình, sử dụng kết hợp các kỹ thuật nghiên cứu như

phòng vấn, quan sát, điều tra bản hỏi nhằm có thể hiểu quá trình tự kiến tạo, quá trình xã hội hóa của con trẻ, các hình thức tương tác hằng ngày giữa con cái và cha mẹ qua những đề tài cụ thể, như: *Les enfants et Internet à la maison: familles et rapports générationnels en mutation* (Trẻ em và Internet tại nhà: Gia đình và sự biến chuyển trong quan hệ thế hệ) của Nunes de Almeida, Delicado và các đồng sự (2015); *La salle de bain: reconfiguration des rapports aux autres et à soi à l'aube de l'adolescence* (Phòng tắm: sự tái định hình các mối quan hệ với người khác và với bản thân ở tuổi vị thành niên) của Nicoletta Diasio và Virginie Vinel (2015); *Manger à la maison sous le poids des normes: les négociations familiales autour de l'alimentation* (Ăn tại nhà dưới sức nặng của những chuẩn mực: những thương lượng trong gia đình xung quanh đồ ăn) của Aurélie Maurice (2015)...

3. MỘT SỐ CHỦ ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CHÍNH

Hai chủ đề nghiên cứu chính mà hầu hết các nghiên cứu về giáo dục gia đình đều ít nhiều đề cập, đó là nghiên cứu về mục tiêu giáo dục và các mô thức thực hành giáo dục gia đình.

Theo Gayet, tại Pháp người ta có thể thấy một sự biến chuyển các giá trị trong mục tiêu giáo dục gia đình như sau: những năm 1960, người Pháp vẫn quan niệm một đứa trẻ được “giáo dục tốt” là đứa trẻ biết vâng lời; những năm 1970, người ta quan niệm là đứa trẻ phải phát triển (*épanouir*);

sau 1980, hình ảnh một đứa trẻ lý tưởng là đứa trẻ tự chủ (*autonome*) và điều này còn kéo dài đến ngày nay, tuy nhiên dường như sau năm 1990 người ta có khuynh hướng hướng đến mẫu hình một người trẻ “hiệu năng” (*performant*). Sự “kính trọng” trong giáo dục vẫn được duy trì nhưng ý nghĩa đã thay đổi theo hướng hai chiều, ngày nay không chỉ nói đến chuyện con cái phải biết kính trọng cha mẹ, mà cha mẹ cũng phải biết tôn trọng con cái trong phương cách giáo dục (2004: 19).

Macary và Baumatin (1995) đã thực hiện một nghiên cứu so sánh giữa những bà mẹ Pháp, gốc Pháp và gốc Maghres, nhằm tìm hiểu sự tương quan giữa gốc gác văn hóa (người Pháp/người Maghres) và điều kiện kinh tế - xã hội (các bà mẹ có hoàn cảnh khó khăn/các bà mẹ có hoàn cảnh kinh tế thuận lợi) và nhận thức về mục tiêu giáo dục gia đình của họ. Nghiên cứu này kết luận rằng các bà mẹ Pháp thuộc tầng lớp trung lưu không đặt ra mục tiêu giáo dục là vâng lời, biết ứng xử lịch sự... mà họ giáo dục con họ tính độc lập, phát triển toàn diện. Họ chơi nhiều, nói chuyện nhiều, đọc chuyện nhiều với con, quan tâm đến chuyện học hành của con ở trường, chăm đi họp phụ huynh... Trong khi các bà mẹ thuộc tầng lớp khó khăn gốc Maghres (và cả gốc Pháp) đặt ra mục tiêu giáo dục là vâng lời, hành xử lịch sự, sự sạch sẽ trong khi không chú ý đến các giá trị liên quan đến tính tự chủ, phát triển trí tò mò sáng tạo. Các bà mẹ này xem

nhà trường là nơi để học tập, chứ không là để “xã hội hóa”. Họ tiếp xúc thân thể nhiều hơn với trẻ chẳng hạn như bông bế, để con nằm chung, những điều mà các nhà nghiên cứu không quan sát thấy nơi các bà mẹ Pháp thuộc tầng lớp trung lưu (trong Preteur & De Leonardis 1995: 167 - 179). Việc các phụ huynh chú ý đến vai trò quan trọng của nhà trường trong việc xã hội hóa không chỉ là khuynh hướng của các phụ huynh Pháp mà còn là khuynh hướng tại các gia đình có điều kiện ở Bỉ, điều này đã được Grisay và Delhaxe (1990) chứng minh trong một nghiên cứu trên 1.225 phụ huynh có con em học tại các trường nói tiếng Pháp ở Bỉ (dẫn theo Preteur & Sublet trong Preteur & De Leonardis, 1995: 183).

Trong một nghiên cứu khác, Song và Hattie đã chỉ ra các yếu tố thuộc “tâm lý gia đình” như sự khuyến khích, các hoạt động sự phạm tại nhà, sự đánh giá của cha mẹ về trí tuệ của trẻ, hay sự thưởng phạt con cái đều ảnh hưởng trực tiếp đến “hình ảnh bản thân” của đứa trẻ cũng như ảnh hưởng gián tiếp trên kết quả học tập của con cái (dẫn theo Preteur & Sublet, đăng trong Preteur & De Leonardis 1995: 183).

Liên quan đến tình hình nghiên cứu tại Việt Nam, trong luận án tiến sĩ có tựa đề *Les pratiques éducatives parentales et l'autonomie de l'enfant – Etude comparative France - Vietnam* (Những thực hành giáo dục của phụ huynh và sự tự lập của trẻ - nghiên cứu so sánh Pháp - Việt), dưới sự hướng dẫn của

Durning, Hoàng Mai Khanh (2005) đã tập trung trên sự liên hệ giữa cách thức thực hành giáo dục con cái của các phụ huynh và khía cạnh tự lập của trẻ. Tác giả đã chỉ ra có rất nhiều yếu tố tác động lên mức độ trưởng thành và tính tự lập của con trẻ, chẳng hạn các bậc phụ huynh cứng nhắc, độc đoán trong hành xử với con thì đã không tạo thuận lợi (favoriser) cho con tự làm chủ bản thân, tính trách nhiệm và ý chí (tr. 196); hay ngược lại, cha mẹ kiểm soát con cái một cách độc đoán, thường xuyên la mắng, đánh phạt thì con cái của họ có mức độ tự lập thấp (tr. 201). Nghiên cứu đã chỉ ra khuynh hướng chung của các phụ huynh tại Sài Gòn là ưu tiên giáo dục khía cạnh “khuyến khích tự lập” hơn các khía cạnh khác như tình cảm, kiểm soát, la phạt con cái (tr. 178 -179). Về tương quan giữa Việt Nam và Pháp, tác giả cho rằng không có sự đối lập giữa hai hình thức giáo dục của các phụ huynh giữa hai quốc gia, mà cả hai đều hướng tới một mẫu hình giáo dục dựa trên yếu tố tự lập/ tương thuộc (independant/ interdependant) bao hàm một sự gắn bó tình cảm và đề cao nhân cách cá thể (tr. 259).

Lê Thi (1997) đã giới thiệu kết quả của một nghiên cứu định lượng được tiến hành trên 200 hộ tại hai phường tại Hà Nội về định hướng giáo dục con cái được tiến hành năm 1995, thì thấy đa số phụ huynh (93,9%) nhấn mạnh sự quan trọng của việc giáo dục sự hiểu thảo, sau đó mới tới các giá trị như con người có văn hóa (78,2%) và

có nghề chuyên môn (73,6 %)... Trả lời câu hỏi quan niệm về gia đình hạnh phúc, có tới 83 % phụ huynh cho là “con cái vâng lời” (tr. 178). Các gia đình công chức trí thức khá thống nhất trong mẫu hình “con người học vấn” trong khi các gia đình nông thôn bình dân lại có khuynh hướng về mẫu hình con người có công ăn việc làm ổn định. Tóm lại, các giá trị truyền thống như sự hiếu thảo, lòng kính trọng ông bà cha mẹ, sự vâng lời vẫn là các giá trị quan trọng và ưu tiên chuyển tải, bên cạnh đó các giá trị mới liên quan đến tự do cá nhân, bình đẳng... đang ngày càng phát triển. Lê Thi cũng đề cập đến phương pháp giáo dục gia đình tại Việt Nam và mô tả các phương pháp truyền thống chủ yếu là bắt con cái phải phục tùng cha mẹ, ông bà, phục tùng lợi ích của gia đình, nên việc giáo dục là việc bắt trẻ em phải làm theo người lớn, cha mẹ dùng uy quyền và kể cả bạo lực để con phải tuân thủ (tr. 193-194). Tác giả cũng mô tả khuynh hướng giáo dục gia đình hiện đại là chú ý đến nhu cầu của trẻ, dùng lý lẽ phân tích để giúp trẻ tự nhận biết sự đúng sai (tr. 195). Với những dẫn chứng từ các cuộc điều tra, tác giả cho rằng khuynh hướng hiện nay của các phụ huynh là đi theo hướng hiện đại, bỏ dần các phương pháp truyền thống, tuy nhiên việc sử dụng các phương pháp mạnh, kể cả bạo lực vẫn là thực tế quan trọng, đặc biệt nơi các gia đình nông thôn (10,7 % thường xuyên dùng roi vọt, 74,82 % đôi khi dùng roi vọt (tr. 198). Lê Thi cũng thấy mỗi đứa

trẻ là một cá nhân riêng biệt, tính tình, năng khiếu, khuynh hướng khác nhau, và từ đó tác giả cho rằng, giáo dục gia đình góp phần tạo ra tính đa dạng này theo hướng tích cực, tiến bộ, bổ sung cho nhau (tr. 157). Tác giả cũng mô tả một mẫu hình con người với rất nhiều phẩm chất và giá trị kèm theo, và đưa ra những phân loại chẳng hạn như các gia đình nông dân thì ước muốn tạo cho con một nghề, có thu nhập ổn định; các gia đình viên chức trí thức thì định hướng cho con có một trình độ học vấn cao, có ngoại ngữ, tiếp xúc với văn hóa nước ngoài (tr. 169).

Lưu Song Hà (2006) trong bài viết có tựa đề *Cảm nhận về cha mẹ của học sinh trung học cơ sở và ảnh hưởng của nó đến hành vi lệch chuẩn của các em* đăng trên Tạp chí Tâm lý học đã giới thiệu về một nghiên cứu định lượng trên 532 học sinh phổ thông cơ sở tại các quận huyện nội ngoại thành thành phố Hà Nội, theo hướng tiếp cận và phân tích của tâm lý học. Tác giả đã cho thấy vai trò của người mẹ quan trọng, gần gũi và tích cực hơn người cha trong nhận thức của các học sinh trung học cơ sở. Trong mẫu phần lớn học sinh (53,3%), người cha là người của công việc, lo kiếm tiền, trong khi đó hình ảnh của người mẹ gần gũi và tích cực hơn.

4. KẾT LUẬN

Nghiên cứu giáo dục gia đình hết sức cần thiết trong việc đi tìm nguyên nhân và đưa ra những giải pháp giải quyết các vấn đề của giáo dục, của

gia đình và của xã hội nói chung. Tuy nhiên, nghiên cứu giáo dục gia đình xuất hiện như một chuyên ngành độc lập trên thế giới có tuổi đời khá trẻ so với các chuyên ngành khác.

Về mặt lý thuyết, các nhà nghiên cứu đang chuyển dịch từ lối tiếp cận vĩ mô chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa quyết định luận, thịnh hành từ những năm 1970 trước đây, vốn xem cá nhân là sản phẩm của xã hội, của hệ thống, từ đó tìm cách đo lường các yếu tố tác động của môi trường xung quanh lên quá trình hình thành nhân cách, quá trình xã hội hóa cá nhân, sang lối tiếp cận vi mô, tìm cách dung hòa giữa trường phái “quyết định luận” và “cá thể luận” trong lý luận. Các nhà nghiên cứu hiện nay có khuynh hướng công nhận vai trò quan trọng của môi trường xã hội ảnh hưởng lên cá nhân, nhưng cũng thừa nhận vai trò chủ động của cá nhân trong quá trình hình thành nhân cách, cũng như góp phần kiến tạo nên môi trường trong gia đình

và cả bên ngoài xã hội. Trẻ em không phải là “sản phẩm” thụ động, chịu sự nặn đúc hoàn toàn của người lớn, mà là chủ thể ít nhiều sở hữu những khoảng trống tự do và chủ động, tự thiết kế nên hình ảnh bản thân và cuộc sống của mình. Mức độ, hình thức của sự tham gia này tùy thuộc vào môi trường chính trị, văn hóa của xã hội xung quanh.

Tại Việt Nam, việc nghiên cứu về giáo dục gia đình trong thời điểm hiện tại là hết sức cần thiết để phục vụ cho chủ trương “Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục”. Muốn đổi mới thành công và căn bản, chúng ta phải có những giải pháp tổng thể mang tính hệ thống và toàn diện, trong đó cần phải nghiên cứu về giáo dục gia đình vì đây là nhà trường đầu tiên và thường trực trong việc đào tạo thế hệ tương lai, giáo dục nhà trường sẽ không thể thành công nếu không hiểu, không đồng điệu và không kết hợp chặt chẽ với giáo dục gia đình. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Bronfenbrenner, U. 1994. “Ecological Models of Human Development”. *International Encyclopedia of Education*, Vol. 3. Oxford: Elsevier.
2. Diasio, N., & Vinel, V. 2015. “La salle de bain: reconfiguration des rapports aux autres et à soi à l'aube de l'adolescence”. *La Revue Internationale de l'Education Familiale*. Số 37.
3. Durkheim, E. 2010. *Les Règles de la Méthode sociologique*. Paris: Nouvelle Édition, Éditions Flammarion.
4. Durning, P. (chủ biên). 1988. *Education familiale. Un panorama des recherches internationales*. Vigneux: Matrice.
5. Durning, P. 1995. *Éducation familiale - Acteurs, processus et enjeux*. Paris: PUF.
6. Hoàng Chí Bảo. 2008. “Biến đổi xã hội ở Việt Nam qua hơn 20 năm đổi mới”. Trong *Việt Nam học - Kỷ yếu hội thảo quốc tế lần ba - Tiểu ban Xã hội*. Đại học Quốc gia Hà Nội.

7. Hoàng Mai Khanh. 2005. *Les pratiques éducatives parentales et l'autonomie de l'enfant - Etude comparative France - Vietnam* (Luận án tiến sĩ dưới sự hướng dẫn của Durning, P - bản PDF). Université de Paris X Nanterre.
8. Gayet, D. 2004. *Les pratiques éducatives des familles*. Paris: PUF.
9. Gayet, D. 2006. *Pédagogie et éducation familiale. Concepts et perspectives en sciences humaines*. Paris: Harmattan.
10. Gray, C. & Macblain (Hiếu Tân dịch). 2014. *Các lý thuyết học tập về trẻ em*. TPHCM: Nxb. Hồng Đức.
11. Kellerhais, J.; Montandon, C. & cộng sự. 1991. *Les stratégies éducatives des familles - Milieu social, dynamique familiale et éducation des pré-adolescents*. Paris: Delachaux et Niestle.
12. Lê Thi. 1997. *Vai trò gia đình trong việc xây dựng nhân cách con người Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Phụ Nữ.
13. Lưu Song Hà. 2006. “Cảm nhận về cha mẹ của học sinh trung học cơ sở và ảnh hưởng của nó đến hành vi lệch chuẩn của các em”. *Tạp chí Tâm lý học*. Số 5 (86).
14. Macary, P., & và Baumatin, A. 1995. “Pratiques et représentations sociales de mère d'origine française et maghrébine”. Trong Preteur, Y. & De Leonardis, M. (cb). 1995. *Education familiale. Image de soi et compétences sociales*. Bruxelles: De Boeck.
15. Maurice, A. 2015. “Manger à la maison sous le poids des normes : les négociations familiales autour de l'alimentation”. *La Revue Internationale de l'Education Familiale*. Số 37/2015.
16. Nguyễn Khánh Trung. 2015. *Giáo dục Việt Nam và Phần Lan - một nghiên cứu so sánh điển hình về vai trò các chủ thể tại hai trường tiểu học công lập của hai nước*. Hà Nội : Nxb. Khoa học Xã hội.
17. Nunes de Almeida, Delicado, và các đồng sự. 2015. “La salle de bain: reconfiguration des rapports aux autres et à soi à l'aube de l'adolescence”. *La Revue Internationale de l'Education Familiale*. Số 37/2015
18. Pourtois, J-P. 1979. *Comment les mères enseignent à leur enfants (5 - 6 ans)*. Paris: PUF.
19. Pourtois, J-P. & Desmet, H. 2000. *Relation familiale et Résilience*. Paris: Harmattan.
20. Preteur, Y. & De Leonardis, M (chủ biên). 1995. *Education familiale. Image de soi et compétences sociales*. Bruxelles: De Boeck.
21. Preteur, Y., & Sublet, F. 1995. “Conception et pratiques éducatives familiales, image de soi et acquisition de l'esprit”. Trong Preteur, Y. & De Leonardis, M. (chủ biên). 1995. *Education familiale. Image de soi et compétences sociales*. Bruxelles: De Boeck.
22. Robin, M.; Bergonnier - Dupuy, G.; Fablet, D. 2011. “La recherche et les formations en éducation familiale - État des lieux en France”. Trong Catarsi, E. & Pourtois, J-P. (chủ biên). 2011. *Les formations et les recherches en éducation familiale. État des lieux en Europe et au Québec*, Paris: L'Harmattan.